**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VI PHẠM PHÁP LUẬT (KỲ 2)**

**Nguyễn Thị Thu Hồng Khoa Luật – Đại học duy tân**

**1.3. Cấu thành vi phạm pháp luật**

Hầu hết các giáo trình về lý luận nhà nước và pháp luật đều có quan niệm chung khi định nghĩa về cấu thành vi phạm pháp luật đó là tổng thể các yếu cơ bản, đặc trưng cho một loại vi phạm pháp luật cụ thể, được nhà nước quy định trong các VBQPPL, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.Trong pháp luật hình sự, thì cấu thành vi phạm pháp luật được quan niệm là cấu thành tội phạm. Trong pháp luật hình sự cấu thành tội phạm CTTP được hiểu là tổng hợp những dấu hiệu chung có tính đặc trưng cho loại tội phạm cụ thể được quy định trong luật hình sự[[1]](#footnote-1). Một chủ thể vi phạm pháp luật khi thỏa mãn được đầy đủ các dấu hiêu ( đặc trưng) của các yếu tố của cấu thành vi phạm pháp luật bao gồm: (1) Mặt chủ quan; (2) Mặt khách quan; (3) Chủ thể; (4) Khách thể.

***1.3.1. Mặt khách quan của vi phạm pháp luật***

Mặt khách quan của vi phạm pháp luật là những dấu hiệu biểu hiện ra bên ngoài thế giới khách quan của vi phạm pháp luật, diễn ra và tồn tại bên ngoài thế giới khách quan. Nó bao gồm các yếu tố sau:

 *Hành vi vi phạm pháp luật* là tất cả những xử sự của con người được biểu hiện ra thế giới khách quan dưới những hình thức nhất định (hành động hoặc không hành động) gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ. Hành vi khách quan phải mang thuộc tính hiển nhiên đó là tính có khả năng gây nguy hiểm cho xã hội. Hành vi khách quan phải có sự kiểm soát của ý thức và phải có sự điều khiển của ý chí. Các hình thức biểu hiện của hành vi khách quan gồm hành động và không hành động[[2]](#footnote-2).

*Hậu quả khách quan của hành vi* là hậu quả nguy hiểm cho xã hội (thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra cho các quan hệ xã hội). Hậu quả tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau:

1. Hậu quả vật chất là những thiệt hại mà con người trực tiếp hoặc thông qua các phương tiện kỹ thuật có thể xác định được một cách chính xác mức độ của nó.Thiệt hại loại này có thể là thiệt hại về vật chất hoặc thể chất.Thiệt hại về vật chất thường được thể hiện thông qua sự biến đổi tình trạng bình thường của các đối tượng vật chất là khách thể của quan hệ xã hội.Thiệt hại về thể chất biểu hiện qua sự biến đổi tình trạng bình thường của thực thể tự nhiên con người.
2. Hậu quả phi vật chất là những thiệt hại không thể tính toán một cách chính xác bằng các phương tiện đo lường. Sự thiệt hại này chỉ được đánh giá thông qua hoạt động tư duy của con người. Thiệt hại loại này có thể kể đến như danh dự, nhân phẩm, quyền tự do của con người, chính trị, xã hội, đạo đức.

*Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và hậu quả nguy hiểm cho xã hội[[3]](#footnote-3).*Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả là mối quan hệ giữa các hiện tượng trong đó một hiện tượng được gọi là nguyên nhân (là hành vi khách quan) làm phát sinh một hiện tượng khác là kết quả. Dùng để chỉ hành vi khách quan đóng vai trò là nguyên nhân, hậu quả nguy hiểm cho xã hội đóng vai trò là hậu quả.Để xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả chúng ta cần dựa vào các cơ sở có tính nguyên tắc sau:

- Hành vi được coi là nguyên nhân phải là hành vi trái pháp luật và xảy ra trước hậu quả về mặt thời gian. Như vậy, hành vi xảy ra sau hậu quả thì không có mối quan hệ nhân quả với hậu quả này.

-Giữa nguyên nhân và hậu quả phải có mối quan hệ nội tại và tất yếu. Một nguyên nhân bao giờ cũng chứa đựng mầm mống nội tại nhằm phát sinh kết quả nhất định.

Trong thực tế, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm và hậu quả của tội phạm tồn tại dưới các dạng sau đây:

a) Dạng quan hệ nhân quả đơn trực tiếp là quan hệ nhân quả mà chỉ có một hành vi trái pháp luật đóng vai trò là nguyên nhân của hậu quả

b) Dạng quan hệ nhân quả kép trực tiếp là quan hệ nhân quả trong đó nhiều hành vi trái pháp luật cùng đóng vai trò là nguyên nhân của hậu quả

Ngoài ra trong mặt khách quan của vi phạm pháp luật còn có các yếu tố khác như: *Thời gian vi phạm pháp luật* là giờ, ngày, tháng, năm, xãy ra vi phạm pháp luật.

*Địa điểm vi phạm pháp luật* là nơi xãy ra vi phạm pháp luật.

*Phương tiện vi phạm pháp luật* là công cụ mà chủ thể sử dụng để thực hiện vi phạm pháp luật.

***1.3.2. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật***

Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật là những hoạt động tâm lý, ý thức bên trong của chủ thể khi thực hiện vi phạm pháp luật, bao gồm lỗi của chủ thể: lỗi cố ý trực tiếp, lỗi cố ý gián tiếp, lỗi vô ý vì quá tự tin, lỗi vô ý vì cẩu thả, động cơ và mục đích vi phạm.

***Lỗi*** là một khái niệm được biết đến và được sử dụng rất nhiều trong khoa học luật Việt Nam.Trong cấu thành vi phạm pháp luật nguyên tắc lỗi là nguyên tắc cơ bản, một người phải chịu trách nhiệm pháp lý không chỉ đơn thuần vì họ có hành vi khách quan đã gây ra thiệt hại cho xã hội mà còn vì họ có lỗi trong việc thực hiện hành vi khách quan đó. Một người có hành vi gây thiệt hại cho xã hội sẽ bị coi là có lỗi nếu hành vi đó là kết quả của sự lựa chọn và quyết định của chủ thể trong khi chủ thể có điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn hoặc quyết định một xử sự khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội. Việc thừa nhận nguyên tắc lỗi trong khoa học luật Việt Nam chính là sự thừa nhận và tôn trọng tự do ý chí của con người.

Lỗi là thái độ tâm lý bên trong của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi đó gây ra và được thể hiện dưới hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý.Lỗi là sự kết hợp giữa lý trí[[4]](#footnote-4) và ý chí[[5]](#footnote-5).

 *Lỗi cố ý trực tiếp* là lỗi của một chủ thể khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, biết trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả đó xãy ra.

*Lỗi cố ý gián tiếp* là lỗi của một chủ thể khi thực hiện một hành vi trái pháp luật nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, biết trước hậu quả của hành vi đó, tuy không mong muốn nhưng có ý thức để hậu quả đó xãy ra.

*Lỗi vô ý vì quá tự tin* là lỗi của một chủ thể tuy biết trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng tin chắc rằng hậu quả đó sẽ không xãy ra hoặc có thể xãy ra có thể ngăn ngừa được nên mới thực hiện và có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội.

 *Lỗi vô ý vì cẩu thả* là lỗi của một chủ thể đã gây ra một hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng do cẩu thả nên không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả đó, mặc dù có thể thấy trước và phải thấy trước hậu quả này.

 *Động cơ vi phạm pháp luật* là động lực tâm lý bên trong thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Động cơ phạm tội ở mức độ nhất định nằm trong trạng thái tâm lý của chủ thể nên nó là một dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của hành vi khác quan được thực hiệnvới hình thức lỗi cố ý. Động cơ nói chung không có ý nghĩa quyết định đến tính chất nguy hiểm của sự vi phạm, nó không làm thay đổi hẳn tính chất của hành vi do vậy động cơ không phải là căn cứ để phân biệt trong việc quy kết trách nhiệm pháp lý.

 *Mục đích vi phạm pháp luật* là cái đích trong tâm lý hay kết quả cuối cùng mà chủ thể mong muốn đạt được khi thực hiện vi phạm pháp luật. Mục đích ở mức độ nhất định nằm trong trạng thái tâm lý của chủ thể nên nó là một dấu hiệu thuộc mặt chủ quan được thực hiện với hình thức lỗi cố ý nhưng chỉ có thể là lỗi cố ý trực tiếp bởi tất cả người thực hiện hành vi khách quan đều nhằm tới những mục đích nhất định tuy nhiên chỉ trong trường hợp thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp .

***1.3.3.Chủ thể của vi phạm pháp luật***

Chủ thể của vi phạm pháp luật là những chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý và đã thực hiện vi phạm pháp luật. Chủ thể của vi phạm pháp luật có thể là chủ thể của các quan hệ pháp luật, đó là những cá nhân hay tổ chức dựa trên cơ sở của các quy phạm pháp luật mà tham gia vào các quan hệ pháp luật, trở thành người mang các quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể. Chủ thể của quan hệ pháp luật phải có năng lực chủ thể, bao gồm hai yếu tố: năng lực pháp luật và năng lực hành vi. Vi phạm pháp luật có nhiều loại như: Vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, vi phạm dân sự, vi phạm kỷ luật; chính vì vậy, tương ứng với mỗi vi phạm thì chủ thể sẽ có các điều kiện về năng lực pháp luật và năng lực hành vi khác nhau.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, mỗi vi phạm pháp luật khác nhau được quy định điều kiện của chủ thể khác nhau. Đối với pháp luật dân sự, chủ thể là cá nhân của vi phạm pháp luật phải có cả năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự. năng lực pháp luật dân sự

Theo đó, năng lực pháp luật dân sự của cá nhân không bị hạn chế, trừ trường hợp khác do pháp luật quy định. Nội dung năng lực pháp luật dân sự của cá nhân bao gồm: quyền nhân thân không gắn với tài sản và quyền nhân thân gắn với tài sản; quyền sở hữu, quyền thừa kế và các quyền khác đối với tài sản và quyền tham gia quan hệ dân sự và có nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ đó.

Vì mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau, nên khi có vi phạm pháp luật dân sự, trước hết phải xác định xem chủ thể vi phạm đó đã có đầy đủ năng lực hành vi dân sự hay chưa, từ đó mới có thể xác định được trách nhiệm pháp lý của cá nhân đó. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự. Người chưa đủ sáu tuổi không có năng lực hành vi dân sự, trên sáu tuổi và dưới mười tám tuổi có năng lực hành vi dân sự nhưng chưa đầy đủ, người đủ mười tám tuổi trở lên không bị bệnh tâm thần là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Người hạn chế năng lực hành vi dân sự là những người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình. Cơ sở để Bộ luật Dân sự quy định năng lực hành vi dân sự như trên đó là quá trình phát triển tâm sinh lý của con người cũng như nguyên tắc tự nguyện, thỏa thuận của các chủ thể trong các quan hệ pháp luật dân sự.

Khác với vi phạm dân sự, chủ thể của vi phạm pháp luật hình sự (tội phạm) là người có năng lực pháp luật hình sự và năng lực hành vi hình sự. Theo quy định của Bộ luật Hình sự, người từ đủ mười bốn tuổi đến dưới mười sáu tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng và tội đặc biệt ngiêm trọng; người từ đủ mười sáu tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Vì quan hệ pháp luật hình sự là quan hệ pháp luật giữa một bên chủ thể đặc biệt đó là Nhà nước với các cá nhân, được điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật hình sự, do đó, nếu vi phạm hình sự xảy ra thì mức độ nghiêm trọng của nó không chỉ gây nguy hại cho các cá nhân tổ chức khác như vi phạm dân sự, mà nó còn gây thiệt hại cho nhà nước cũng như nguy hại cho xã hội, chính vì vậy cần phải quy định năng lực hành vi theo độ tuổi ít hơn năng lực hành vi dân sự. Chủ thể của tội phạm chỉ có thể là cá nhân chứ không thể là pháp nhân hay tổ chức như các vi phạm pháp luật khác.

Chủ thể của vi phạm hành chính là các tổ chức, cá nhân thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật và bị xử lý hành chính về hành vi vi phạm đó. Một người có thể bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm luật giao thông đường bộ của mình. Một công ty có thể bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm luật thuế thu nhập doanh nghiệp... Tuy nhiên cần phân biệt rõ vi phạm pháp luật hành chính và vi phạm pháp luật hình sự, vi phạm hành chính có mức độ nguy hiểm nhẹ hơn tội phạm, theo đó, từng trường hợp vi phạm cụ thể pháp luật có quy định riêng về mức độ nghiêm trọng của vi phạm để xác định xem đó là vi phạm hành chính hay tội phạm hình sự.

Chủ thể của vi phạm kỷ luật là các cá nhân trong các tổ chức có quy định, quy chế, điều lệ cụ thể. Theo đó, các tổ chức này đề ra các quy định riêng của tổ chức mình, thành viên nào trong tổ chức vi phạm các quy định đó sẽ bị áp dụng biện pháp kỷ luật do tổ chức đề ra.

***1.3.4. Khách thể của vi phạm pháp luật***

Khách thể của vi phạm pháp luật là những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ và vi phạm pháp luật xâm hại. Tính chất của khách thể phản ánh mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật. Khách thể càng quan trọng thì hành vi xâm phạm nó càng nguy hiểm.

Khách thể của vi phạm pháp luật dân sự là những quan hệ xã hội được pháp luật dân sự bảo vệ và đang bị xâm hại.

Khách thể của tội phạm hình sự là các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ. Đây cũng là một trong bốn yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ví dụ theo 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự quy định về Tội trốn thuế

*“ Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:*

*a) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật;*

*b) Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp;*

*c) Không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán;*

*d) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn;*

*đ) Sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp khác để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được hoàn;*

*e) Khai sai với thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mà không khai bổ sung hồ sơ khai thuế sau khi hàng hóa đã được thông quan, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 188 và Điều 189 của Bộ luật này;*

*g) Cố ý không kê khai hoặc khai sai về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 188 và Điều 189 của Bộ luật này;*

*h) Câu kết với người gửi hàng để nhập khẩu hàng hóa, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 188 và Điều 189 của Bộ luật này;*

*i) Sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế không đúng mục đích quy định mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng với cơ quan quản lý thuế.”*

Khách thể trong trường hợp này là việc nộp thuế của cá nhân đối với Nhà nước. Vi phạm pháp luật xảy ra, khi cá nhân phải nộp thuế theo quy định của pháp luật nhưng lại không thực hiện.

1. Lê Cảm (2004), *Lý luận về cấu thành tội phạm trong khoa học Luật hình sự*, Tạp chí Luật học,Số 2/2004, tr. 17 - 23 [↑](#footnote-ref-1)
2. Không hành động là hình thức của hành vi vi phạm làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động, gây thiệt hại cho khách thể của nó bằng việc chủ thể không thực hiện một việc mà pháp luật yêu cầu hoặc làm không đến mức yêu cầu dù có đủ khả năng và điều kiện để thực hiện. Đó là các trường hợp chủ thể có nghĩa vụ phải hành động, phải làm những việc cụ thể nhất định thep quy định của pháp luật nhưng chủ thể đã không hành động và việc không hành động đó chính là nguyên nhân gây ra thiệt hại. [↑](#footnote-ref-2)
3. Đối với những cấu thành vi phạm pháp luật bắt buộc phải có hậu quả xảy ra. [↑](#footnote-ref-3)
4. Lý trí là khả năng của ý thức để hiểu các sự việc, sử dụng logic, kiểm định và khám phá những sự kiện; thay đổi và kiểm định hành động, kinh nghiệm và niềm tin dựa trên những thông tin mới hay có sẵn. [Xem International Journal of Philosophical Studies 8: 3, pp. 271 — 295]. [↑](#footnote-ref-4)
5. Theo ngôn ngữ từ điển thì ý chí là mặt năng động của ý thức, biểu hiện ở năng lực thực hiện những hành động có mục đích, đòi hỏi phải có sự nỗ lực khắc phục những khó khăn bên ngoài và bên trong. [↑](#footnote-ref-5)